TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:76/2023/DS-PT
Ngày 10/02/2023
V/v: "Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huờn và bà Lưu Thị Thu Hường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc "Kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 375/2022/QĐ - PT ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-PT ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1974; trú tại: Số 37 Trần Phú, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Lê Duy T – sinh năm 1969; trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Văn T1 – sinh năm 1968; trú tại: Số 37 Trần Phú, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Ngọc K – sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Phương T2– sinh năm 1968; cùng trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ngày 19/02/2014, vợ chồng bà L cho ông Lê Duy T thuê mặt bằng của thửa đất số 203A, tờ bản đồ số 7, diện tích 387 m^2 tại tổ dân phố 12, thị trấn E, huyện E,

tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 799 121 ngày 14/01/2010, cấp cho hộ ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị L). Các bên thỏa thuận thời hạn thuê là 03 năm (từ tháng 02/2014 đến tháng 02/2017) và ông T đã trả hết tiền thuê đất cho vợ chồng bà L theo. Sau khi thuê đất, ông T đã dựng một ngôi nhà tạm bằng khung sắt, mái lợp tôn, nền láng xi măng, diện tích khoảng 200 m^2 trên nền đất thuê để kinh doanh buôn bán. Hết hạn hợp đồng, các bên thỏa thuận gia hạn thêm 01 năm (tức đến tháng 02/2018) và ông T đã trả hết tiền thuê đất gia hạn cho vợ chồng bà L. Sau khi kết thúc hợp đồng, ông T đã dọn đồ đạc, còn lại căn nhà tạm nêu trên các bên đã thỏa thuận miệng về việc ông T bán cho vợ chồng bà L với giá 40.000.000 đồng, ông T nói khi nào thong thả thì trả tiền cũng được.

Ngày 23/4/2018, bà L cho ông Nguyễn Ngọc K, bà Nguyễn Thị Phương T2(gọi tắt là vợ chồng ông K) thuê mặt bằng của thửa đất số 203A và căn nhà tạm nêu trên, thời hạn thuê là 13 tháng (từ ngày 23/4/2018 đến 23/5/2019). Sau khi xác lập hợp đồng thuê nhà, vợ chồng ông K đã trả 70.000.000 đồng và cam kết số tiền 2.000.000 đồng còn nợ lại sẽ trả cho bà L khi thanh lý hay gia hạn hợp đồng.

Ngày 15/01/2019, ông T điện thoại cho bà L yêu cầu bà L trả tiền mua nhà khung sắt, bà L hẹn bữa sau, ông T đòi dỡ nhà khung sắt nhưng bà L không đồng ý và yêu cầu ông T tính tiền lãi suất trên số tiền 40.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý.

Ngày 17/01/2019, ông T tự ý xuống tháo dỡ nhà khung sắt nêu trên, bà L không đồng ý nhưng ông T vẫn tháo dỡ khoảng 1/3 diện tích căn nhà, lý do là ông T cho rằng là nhà của ông T, vợ chồng bà L mua chưa trả tiền nêu ông T tháo dỡ trước sự chứng kiến của bà L, Công an thị trấn E và nhiều người dân khác.

Ngày 11/3/2019, ông Nguyễn Ngọc K khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê nhà", yêu cầu bà L bồi thường số tiền 72.000.000 đồng. Tại Bản án số: 46/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dẫn huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông K số tiền 74.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L kháng cáo và tại Bản án số: 08/2020/DS-PT ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 46/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

Tháng 6/2019, vợ chồng bà L chuyển nhượng thửa đất số 203A nêu trên cho ông Hoàng Hải Quân.

Ngày 21/9/2019, ông T thừa nhận tự ý đến thoát dỡ căn nhà khung sắt, vợ chồng bà L yêu cầu ông T chở toàn bộ số khung nhà sắt mà ông T đã dỡ đem trả lại cho vợ chồng bà L và ông T đã trả khoảng 1/3 căn nhà đã dỡ nhưng thiếu 10 tấm tôn nên đã trừ 3.000.000 đồng, thì vợ chồng bà L mới trả số tiền 37.000.000 đồng

mua khung nhà sắt của ông T, theo "Biên bản làm việc v/v mua bán xác nhà sắt" ngày 21/9/2019 giữa vợ chồng bà L với ông T.

Bà L cho rằng việc mua bán căn nhà tạm đã hoàn thành từ tháng 02/2018, nên bà là chủ sở hữu căn nhà trên, bà cho ai thuê là quyền của bà L. Việc ông T đòi lại căn nhà tạm bà không đồng ý, trước ngày 21/9/2019 thì bà L nợ tiền mua nhà của ông T là 40.000.000 đồng nên ông T chỉ được yêu cầu bà L trả tiền chứ không được lấy lại tài sản đã bán cho bà L, nên lỗi gây ra thiệt hại cho ông K, bà T2là lỗi của ông T.

Trong đơn khởi kiện bà L yêu cầu giải quyết: Buộc ông Lê Duy T, và vợ chồng ông K, bà T2có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 84.000.000 đồng cho vợ chồng bà L. Nay, bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu giải quyết: Bà L yêu cầu ông Lê Duy T có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng bà L số tiền 84.000.000 đồng. Trong đó tiền bà L phải bồi thường cho vợ chồng ông K 74.000.000 đồng, 10.000.000 đồng tiền sửa lại căn nhà tạm. Ngoài ra bà L không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Duy T trình bày:

Ông T thừa nhận đúng là có việc ông T thuê đất của vợ chồng bà L và sau khi thuê đất, ông T đã dựng một ngôi nhà tạm bằng khung sắt, mái lợp tôn, nền láng xi măng, diện tích khoảng 200 m^2 trên nền đất thuê để kinh doanh buôn bán. Hết hạn hợp đồng, các bên thỏa thuận gia hạn thêm 01 năm (tức đến tháng 02/2018) và ông T đã trả hết tiền thuê đất gia hạn cho vợ chồng bà L. Sau khi kết thúc hợp đồng, ông T đã dọn đồ đạc, còn lại căn nhà tạm nêu trên các bên thỏa thuận miệng về việc ông T bán cho vợ chồng bà L với giá 40.000.000 đồng, vợ chồng bà L cam kết trong vòng 01 tháng sẽ trả số tiền nêu trên cho ông T. Đến thời hạn, nhưng vợ chồng bà L không trả tiền mua xác nhà sắt cho ông T là 40.000.000 đồng. Ngày 23/4/2018, vợ chồng bà L cho ông Nguyễn Ngọc K, bà Nguyễn Thị Phương Thảo, khi chưa có sự đồng ý của ông T.

Từ khi bán nhà tạm cho bà L, đã nhiều lần ông T yêu cầu bà L trả tiền mua nhà, nhưng bà L không trả. Ngày 15/01/2019, ông T điện thoại cho bà L yêu cầu bà L trả tiền mua nhà khung sắt, bà L không đồng ý trả và ông T báo cho bà L biết nếu không trả tiền sẽ tháo dỡ nhà sắt nêu trên. Ngày 17/01/2019, ông T đã tháo dỡ khoảng 1/3 khung nhà sắt nêu trên trước sự chứng kiến của vợ chồng bà L, Công an thị trấn E và nhiều người khác.

Tháng 6/2019, vợ chồng bà L đã chuyển nhượng thửa đất số 203A nêu trên. Ngày 21/9/2019, giữa vợ chồng bà L với ông T thỏa thuận về việc: Ông T có trách nhiệm trả lại một số sắt, tôn và cửa sắt đã tháo dỡ nhà sắt cho vợ chồng bà L, vợ chồng bà L có nghĩa vụ trả hết số tiền mua nhà sắt nêu trên, cụ thể ông T đã trả một số vật liệu đã tháo dỡ nhà sắt, thiếu 10 tấm tôn nên đã thống nhất trừ 3.000.000 đồng, vợ chồng bà L đã trả 37.000.000 đồng cho ông T. Như vậy, giữa

các bên đã hoàn tất việc mua bán nhà sắt theo "Biên bản làm việc về việc mua bán xác nhà sắt" ngày 21/9/2019 giữa vợ chồng bà L với ông T.

Vợ chồng bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua nhà sắt, mặc dù ông T đã yêu cầu bà L trả tiền nhiều lần, bà L hứa trả nhưng không thực hiện như cam kết. Nên việc ông T lấy dỡ căn nhà là đúng, lỗi gây ra thiệt hại cho vợ chồng ông Khang là do bà L. Vì vậy, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường cho bà L, ông T1 tổng số tiền là 84.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn T1 trình bày:

Ông Thống nhất với ý kiến theo trình bày của bà L, không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Phương T2trình bày:

Ngày 23/4/2018, vợ chồng bà T2thuê mặt bằng của thửa đất số 203A và tài sản trên đất là căn nhà khung sắt của vợ chồng bà L. Sau khi xác lập hợp đồng thuê nhà vợ chồng bà T2mở quán kinh doanh dịch vụ ăn uống. Sau khi thuê khoảng hơn 2 tháng (kể từ ngày thuê), ông Lê Duy T báo với vợ chồng bà T2và nói bà T2điện thoại nói với vợ chồng bà L về việc trả tiền mua căn nhà sắt trên thửa đất số 203A cho ông T, nếu không ông T sẽ tháo dỡ nhà sắt. Do vậy, vợ chồng bà T2đã điện thoại cho vợ chồng bà L nhiều lần để nói việc ông T đã nói, nhưng vợ chồng bà L vẫn không trả tiền cho ông T. Từ khi thuê mặt bằng và tài sản gắn liền trên thửa đất số 203A nêu trên, nhiều lần (không nhớ số lần cụ thể) ông T đến gặp vợ chồng bà T2và thông báo tháo dỡ căn nhà khung sắt, nếu vợ chồng bà L không trả tiền mua nhà sắt nêu trên cho ông T và bà T2đã nhiều lần (không nhớ số lần cụ thể) điện thoại cho bà L và nói chuyện vợ chồng bà L trả tiền mua nhà sắt cho ông T, để vợ chồng bà T2ổn định kinh doanh, nhưng vợ chồng bà L không trả. Trước ngày 17/01/2019 khoảng 3 đến 04 ngày, ông T đến thông báo về việc sẽ tháo dỡ nhà sắt, nói vợ chồng bà T2đừng mua đồ để kinh doanh dịch vụ ăn uống và nghỉ bán hàng để ngày 17/01/2019 ông T sẽ tháo dỡ nhà sắt. Đến ngày 17/01/2019 ông T đến tháo dỡ nhà sắt trước sự chứng kiến của Công an thị trấn E và của bà L, cũng như của vợ chồng bà Thảo.

Bà T2không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà. Do vậy, bà từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc K trình bày:

Ông K thống nhất với lời trình bày của bà Thảo, không bổ sung gì thêm.

- Tại bản án số 68/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 237, 238, 424, 430, 434, 584 và 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Lê Duy T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn T1 số tiền 84.000.000 đồng. Trong đó tiền bà L phải bồi thường cho vợ chồng ông K 74.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền sửa lại căn nhà tạm.

Đình chỉ xét xử với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc K, bà Nguyễn Thị Phương T2có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 84.000.000 đồng cho vợ chồng bà L.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 08/9/2022, bà Nguyễn Thị L – Là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa; Theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và kháng cáo, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá lập luận Đại diện viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, thấy rằng:

Vợ chồng bà L, ông T có xác lập hợp đồng mua bán căn nhà tạm bằng miệng. Tuy nhiên, khi xác lập hợp đồng trên hai bên không thỏa thuận rõ nội dung của hợp đồng, chỉ thể hiện là ông T đồng ý bán căn nhà tạm cho vợ chồng bà L với số tiền 40.000.000 đồng, còn thời điểm bàn giao tài sản, giao nhận tiền thì các bên không có thỏa thuận rõ và nguyên đơn, bị đơn đều không chứng minh được là hai

bên có thỏa thuận nội dung giao nhận nhà, tiền. Trước ngày 21/9/2019, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà L trả 40.000.000 đồng tiền mua căn nhà tạm nhưng bà L và ông T1 không trả. Trước khi tháo dỡ căn nhà tạm trên, ông T đã nhiều lần thông báo cho bà L, ông T1 và ông K, bà T2về việc nếu vợ chồng bà L không trả tiền mua nhà thì ông T sẻ tháo dỡ căn nhà tạm. Như vậy, vợ chồng bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi mua tài sản nên ông T có quyền hủy bỏ hợp đồng theo khoản 1 Điều 424 Bộ luật dân sự.

Đến ngày 21/9/2019, giữa vợ chồng bà L với ông T lập biên bản làm việc về việc mua bán xác nhà sắt; thỏa thuận theo biên bản ngày 21/9/2019 là một thỏa thuận hợp đồng mới, thống nhất được toàn bộ nội dung mua bán tài sản là căn nhà tạm khung sắt. Bên bán thực hiện nghĩa vụ bàn giao tài sản, bên mua giao tiền, các bên không có tranh chấp gì thêm, xác định thời điểm hoàn thành hợp đồng, chuyển giao quyền sử hữu tài sản, hoàn thành nghĩa vụ thanh toán là vào ngày 21/09/2019.

Nhận thấy, hợp đồng thỏa thuận bằng miệng các bên thỏa thuận vào tháng 02/2018 là chưa hoàn thành, việc bà L kháng cáo cho rằng thời điểm ông T bán cho bà L khung nhà sắt, mái lợp tôn thì quyền và tài sản của ông T đã chấm dứt là không có căn cứ.

Mặt khác, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2020/DSPT ngày 11/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (Bản án có hiệu lực pháp luật) đã nhận định việc bà L cho ông K và bà T2thuê nhà nhưng tài sản chưa thuộc quyền sở hữu của bà L và việc thuê nhà trên cũng không được sự đồng ý của ông T là không đảm bảo quyền sử dụng tài sản cho bên thuê, dẫn đến việc ông T đến tháo dỡ ngôi nhà gây thiệt hại cho ông K bà Thảo.

Do vậy, lỗi gây ra thiệt hại cho ông K bà T2là lỗi của bà L, ông T1 nên không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với ông T.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà L Thị Bảy. Giữ nguyên bản án số 68/2022/DS-ST ngày 25-8-2022 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo.

Căn cứ vào các Điều 237, 238, 424, 430, 434, 584 và 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Lê Duy T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn T1 số tiền 84.000.000 đồng. Trong đó tiền bà L phải bồi thường cho vợ chồng ông K 74.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền sửa lại căn nhà tạm.

[2] Đình chỉ xét xử với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc K, bà Nguyễn Thị Phương T2có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 84.000.000 đồng cho vợ chồng bà L.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 2.100.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà L đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số: AA/2019/009116, ngày 18 tháng 8 năm 2020. Bà Nguyễn Thị L tiếp tục phải nộp tiền án phí còn lại là 2.100.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010719 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Phương